TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 19-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC,TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Văn Trung

Bà Chu Thị Hậu.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Phương Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Dương Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 10 năm 1969, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thái S (Dương Văn T1) và bà Vy Thị E (đã chết); vợ: Lưu Thị Đ (đã chết) và có 04 con; tiền án; tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn T:* Ông Chu Thế V là Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Vy Văn S1, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Vi Thị Đ1, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vy Văn T2; vắng mặt.

2. Anh Vy Văn T3; vắng mặt.

3. Anh Nông Văn M; vắng mặt.

4. Chị Nông Thị T4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 13/8/2024, Dương Văn T đi bộ qua nhà anh Vy Văn T3, trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) thì thấy anh Vy Văn T3 cùng ông Vi Văn S2, anh Vi Văn T5 và chị Nông Thị T4 cùng trú tại thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đang ăn cơm nên Dương Văn T vào ngồi cùng. Tuy nhiên, do Dương Văn T say rượu nên anh Vy Văn T3 bảo Dương Văn T đi về. Khoảng 30 phút sau, Dương Văn T quay lại nhà anh Vy Văn T3 thì thấy mọi người đang ngồi uống nước nên Dương Văn T vào ngồi cùng. Sau đó, Dương Văn T và ông Vi Văn S2 thi vật tay, rồi hai bên xảy ra cãi nhau, cùng đi ra ngoài sân thách thức đánh nhau. Tại thời điểm này, Dương Văn T thấy có 01 (một) gậy sắt dài khoảng 120 cm để ở cạnh cửa liền dùng tay phải cầm lấy gậy sắt vụt 01 (một) phát từ trên xuống dưới trúng vùng miệng ông Vi Văn S2 khiến ông bị gẫy răng, chảy máu ngã xuống sân. Sau đó, Dương Văn T đi về nhà còn ông Vi Văn S2 được đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh L cấp cứu.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) gậy rút bằng kim loại dài khoảng 120cm, phần đầu cán được bọc 01 (một) lớp nhựa màu đen, đuôi cán có gắn móc kim loại, phần đầu cán đã bị cong; 01 (một) chiếc răng của ông Vi Văn S2.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 307/KLTTCT-TTPY ngày 12/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận: "Sẹo vết thương vùng nền mũi: 03%; Mất răng 2.2: 02%; Mất răng 3.1: 02%; Mất răng 3.2: 02%; Mất răng 4.1: 02%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Vi Văn S2 tại thời điểm giám định là 11% (Mười một phần trăm); Cơ chế hình thành thương tích: Do vật tày tác động trực tiếp gây nên"

Về phần bồi thường thiệt hại: Tại cơ quan điều tra, bị hại ông Vi Văn S2 yêu cầu bị cáo Dương Văn T bồi thường 60.000.000 đồng tiền tổn thất về sức khỏe, tinh thần. Tuy nhiên, bị cáo Dương Văn T hiện chưa bồi thường được khoản chi phí nào cho bị hại.

Bản Cáo trạng số: 05/CT-VKS-CL ngày 23/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Dương Văn T về Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa:

Bị hại ông Vi Văn S2 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe, gồm các khoản sau *(tiền viện phí, tiền thuốc theo hóa đơn, tiền trồng răng, tiền ngày công không lao động được, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền công người phục vụ, tiền tổn thất tinh thần)* với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và chấp nhận bồi thường tất cả các khoản như bị hại yêu cầu với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị Đ1 trình bày: Tôi là con gái của ông Vi Văn S2, sau khi sự việc ông T đánh bố tôi, bố tôi phải đi viện điều trị 08 ngày, tôi đã đi chăm sóc bố tại viện là 08 ngày và ngày công lao động của tôi là 135.000 đồng, công việc là đi khai thác nhựa thông và làm thuê, trước tôi yêu cầu bị cáo thanh toán cho tôi ngày công phục vụ là 1.080.000 đồng/08 ngày. Tại phiên tòa hôm nay bố tôi yêu cầu bị cáo phải bồi thường 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) gồm tất cả các khoản trong đó có cả khoản ngày công phục vụ của tôi, tôi nhất trí, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm Tội cố ý gây thương tích.

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 13; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương Văn T và bị hại ông Vi Văn S2, cụ thể bị cáo Dương Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Vi Văn S2 số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự - Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) gậy rút bằng kim loại (loại gậy treo lồng chim), dài khoảng 120cm, phần đầu cán được bọc một lớp nhựa màu đen, đuôi cán có gắn móc bằng kim loại, phần đầu cán đã bị cong; đối với 01 (một) chiếc răng Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và bị cáo có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bố là ông Dương Thái S (Dương Văn T1) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 13; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là thỏa đáng; về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương Văn T và bị hại ông Vi Văn S2, cụ thể bị cáo Dương Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Vi Văn S2 số tiền

40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật; về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì và nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận, nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử khoan hồng, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là ông Vy Văn T2, anh Vy Văn T3, anh Nông Văn M, chị Nông Thị T4 (đều không có lý do). Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người trên. Xét thấy, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai bị hại; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bệnh án điều trị của bị hại Vi Văn S2; phù hợp với Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 307/KLTTCT-TTPY ngày 12/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận về thương tích của bị hại Vi Văn S2 và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ ngày 13/8/2024, tại thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do say rượu dẫn đến mâu thuẫn, không làm chủ được bản thân Dương Văn T có hành vi dùng 01 cây gậy sắt vụt 01 phát vào vùng miệng của ông Vi Văn S2, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông S2 là 11%. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Dương Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có cơ sở kết luận bị cáo Dương Văn T phạm Tội cố ý gây thương tích được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng đã xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do trước đó bị cáo đã uống rượu say dẫn đến mâu thuẫn, không làm chủ được hành vi nên đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố đẻ bị cáo là ông Dương Thái S (Dương Văn T1) được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng nhất và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Như vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo và làm gương cho những ai coi thường sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa bị hại ông Vi Văn S2 yêu cầu bị cáo Dương Văn T bồi thường tiền thiệt hại về sức khỏe là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bị cáo Dương Văn T chấp nhận bồi thường cho bị hại ông Vi Văn S2 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với quy định pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy:

[11] Đối với 01 (một) gậy rút bằng kim loại (loại gậy treo lồng chim), dài khoảng 120cm, phần đầu cán được bọc một lớp nhựa màu đen, đuôi cán có gắn móc bằng kim loại, phần đầu cán đã bị cong là công cụ phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 01 (một) chiếc răng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Vi Văn S2 theo quy định. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí: Bị cáo Dương Văn T bị kết án, nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), nên bị cáo có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án

hình sự là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Ý kiến bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên đều được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 13; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 590 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm Tội cố ý gây thương tích.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/10/2024.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương Văn T và bị hại ông Vi Văn S2, bị cáo Dương Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Vi Văn S2, cư trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gậy rút bằng kim loại (loại gậy treo lồng chim), dài khoảng 120cm, phần đầu cán được bọc một lớp nhựa màu đen, đuôi cán có gắn móc bằng kim loại, phần đầu cán đã bị cong.

(Vật chứng trên được lưu giữ và được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự cho bị cáo Dương Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an H.Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H.Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Trung **Chu Thị Hậu** **Nông Thị Hà**